

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2020/DSST
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
(V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử bao gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thanh - Ông Nguyễn Đức Quỳnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST-DS ngày 10/3/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXX-ST ngày 13/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐ - HPT ngày 29/4/2020. Giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Xóm H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- **Bị đơn:** +/- Ông Đậu Văn D, sinh năm 1977 .

Trú tại: Xóm S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

+/- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (Có mặt)

Trú tại: Xóm S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai của đồng bị đơn thì vụ án có nội dung.

Mẹ bà Nguyễn Thị H là chị ruột của mẹ vợ anh Lê Văn L. Do có mối quan hệ gần gũi nên vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Đậu Văn D đã nhiều lần vay tiền anh Lê Văn L. Việc ông D, bà H vay tiền của anh L diễn ra từ năm 2017 đến năm 2018. Bà Nguyễn Thị H, anh Lê Văn L thống nhất vợ chồng bà H đang nợ anh Lê Văn L tổng số tiền 2.069.000.000đ (Hai tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu đồng), mỗi lần vay tiền hai bên đều thống nhất thời hạn vay, lãi suất của số tiền vay. Quá trình vay mượn hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay được tính theo lãi ngày cứ vay 1.000.000 đồng thì 1 ngày tiền lãi phải trả cho anh L là 2.500 đồng và 3000 đồng, nhưng anh L chỉ ghi số tiền vay vào sổ bà H và ông D ký nhận nợ gốc vào sổ,

không ghi lãi suất. Theo anh L vì có mối quan hệ gần gũi nên trên thực tế anh Lê Văn L chỉ lấy lãi suất cho vay là 1% tháng, không tính lãi ngày như hai bên thỏa thuận, lãi suất của số tiền vay vợ chồng ông D, bà H thanh toán không đầy đủ, đợt nhiều nhất chỉ trả lãi được 4 tháng lãi. Đến hạn thanh toán các khoản vay, anh L đã yêu cầu vợ chồng bà H thanh toán nhiều lần, nhưng vợ chồng vẫn cố tình dây dưa không chịu trả nợ gốc. Ngày 03/8/2018 thì vợ chồng bà H, ông D viết giấy cam kết vay tiền và đề nghị anh L tính lãi theo lãi suất Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn với lãi suất 0,9%/tháng. Mặc dù cam kết trả lại suất 0,9% tháng, nhưng kể từ ngày cam kết đến nay vợ chồng ông D, bà H không trả cho anh L được đồng tiền gốc và số tiền lãi nào. Sau nhiều lần đòi nợ tại vợ chồng ông D không có kết quả, anh L quyết định khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông D phải có trách nhiệm trả nợ cho anh L. Do điều kiện anh L khó khăn, không có đủ tiền nộp tạm ứng án phí để khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông D thanh toán hết số tiền 2.069.000.000đ(Hai tỷ không trăm sáu mươi chín triệu đồng), anh L chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông D trả một số tiền nợ gốc do vợ chồng bà H, ông D vay anh L vào các lần như: Ngày 20/4/2018 vay 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) hạn 15 ngày sau trả gốc; Ngày 20/5/2018 vay 145.000.000đ(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) hạn 30 ngày trả gốc; Ngày 21/5/2018 vay 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng) hạn 30 ngày sau trả gốc; Ngày 23/05/2018 số tiền vay là 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) hạn 30 ngày trả tiền gốc; Ngày 04/06/2018 vay 120.000.000đ(Một trăm hai mươi triệu đồng) hạn 30 ngày trả tiền gốc. Tổng nợ là 435.000.000 đồng, vợ chồng anh D đã trả gốc được 10.000.000 đồng vào ngày 22/5/2019. Nay anh L chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông D phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền gốc là 425.000.000 đồng, không yêu cầu vợ chồng bà H, ông D thanh toán tiền lãi suất còn lại chưa thanh toán và lãi suất tiếp theo.

Quá trình hòa giải, tại phiên tòa bà H khai nại, tiền lãi của số tiền trên mà vợ chồng bà H phải trả cho anh L là cứ vay 1.000.000 đồng thì 01 ngày vợ chồng bà H phải trả lãi cho anh L lúc thì trả 2500 đồng, lúc thì 3000 đồng, không phải thanh toán lãi suất 1% như anh L đã khai. Lãi suất của số tiền 2.069.000.000đ(Hai tỷ không trăm sáu mươi chín triệu đồng) vợ chồng bà H đã thanh toán đầy đủ cho anh L đến tháng 10/2019, việc thanh toán lãi của vợ chồng được anh L ghi vào sổ để theo dõi. Do trả lãi suất cao hơn qui định của pháp luật bà H đề nghị Tòa xem xét tính toán để trừ vào tiền gốc đã vay anh L. Nay anh L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh L 5 lần vay tổng số tiền 435.000.000 đồng, đã trả gốc được 10.000.000 đồng, còn lại 425.000.000 đồng bà không nhất trí. Lý do bà H không nhất trí là có thể anh L sẽ khởi kiện tiếp, làm vợ chồng bà phải đi đến Tòa án nhiều, mất thời gian. Nếu anh L phải khởi kiện toàn bộ số tiền vay 2.069.000.000đ(Hai tỷ không trăm sáu mươi chín triệu đồng) thì bà chấp nhận trả nợ trên giấy tờ, đề nghị anh L xem xét không tính lãi suất đối với các khoản vay nữa vì điều kiện của vợ chồng bà H hiện nay đã vỡ nợ rất khó khăn.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn ông Đậu Văn D không hợp tác, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh D đồng bị đơn trong vụ án để lưu tại hồ sơ.

Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nội dung nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn, bản tự khai của đồng bị đơn, trình bày của nguyên đơn, đồng bị đơn tại phiên tòa thì việc anh Lê Văn L cho ông Đậu Văn D, bà Nguyễn Thị H vay tiền Việt Nam cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu nguyên đơn, đồng bị đơn có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng ông Đậu Văn D vắng mặt không lý do, chỉ có bà H vợ ông D và nguyên đơn có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do ông D vắng mặt nhiều lần trong quá trình hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, đồng bị đơn có mặt, ông Đậu Văn D đồng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bà Nguyễn Thị H đồng bị đơn có mặt, ông Đậu Văn D đồng bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với đồng bị đơn ông Đậu Văn D.

[2] Về nội dung:

Quá trình nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng: Có cơ sở khẳng định trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018 vợ chồng ông Đậu Văn D, bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần vay tiền của anh Lê Văn L, cụ thể. Ngày 20/4/2018 vay 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) hạn 15 ngày sau trả gốc; ngày 20/5/2018 vay 145.000.000đ(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) hạn 30 ngày trả gốc; ngày 21/5/2018 vay 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng) hạn 30 ngày sau trả; ngày 23/05/2018 số tiền vay là 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) hạn 30 ngày trả tiền gốc và ngày 04/06/2018 vay 120.000.000đ(Một trăm hai mươi triệu đồng) hạn 30 ngày trả tiền gốc với tổng số tiền gốc là 435.000.000 đồng, ngày 22/5/2019 vợ chồng ông D, bà H đã được 10.000.000 đồng, tiền gốc còn lại vợ chồng bà H ông D đang nợ anh Lê Văn L là 425.000.000 đồng. Tài liệu chứng minh việc vay nợ của vợ chồng ông D, bà H tại anh Lê Văn L đối với số tiền trên và trả một phần nợ gốc là 04 trang giấy kẻ hàng(giấy vỡ học sinh) trong đó ghi những lần vay, ký nợ, ấn định thời gian trả nợ gốc có chữ ký của ông D, bà H và anh L ghi lãi suất do vợ chồng bà H thanh toán phía dưới các khoản vay để theo dõi, tài liệu gốc này anh Lê Văn L đã giao nộp trong quá trình khởi kiện được lưu

trong hồ sơ vụ án thể hiện tại bút lục số 06 và số 07. Do phía bị đơn vi phạm về thời hạn trả nợ, nguyên đơn anh Lê Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông D, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc còn lại với số tiền 425.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông D phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho anh Lê Văn L. Lãi suất của số tiền gốc 425.000.000đ(Hai trăm năm mươi triệu đồng) do vợ chồng ông D, bà H chưa thanh toán đầy đủ cho anh L và lãi suất tiếp theo của số tiền vay nguyên đơn không yêu cầu tính đối với bên vay, nên miễn xét.

Trong quá trình hòa giải, và tại phiên tòa bà H khai nại đã thanh toán lãi suất số tiền vay, cứ vay 1.000.000 đồng thì một ngày phải trả lãi cho anh L từ 2.500 đồng đến 3000 đồng, lãi suất đã trả đến tháng 10/2029 là không có cơ sở. Như bà H đã trình bày tại phiên tòa và hòa giải thì mỗi lần trả lãi vợ chồng bà không yêu cầu anh L viết giấy biên nhận, anh L ghi việc trả lãi suất dưới các khoản vay theo dõi về việc trả lãi suất. Căn cứ vào tài liệu do anh L giao nộp để chứng minh khởi kiện của mình là có căn cứ tại bút lục số 06 và số 08 có tại hồ sơ, thấy rằng phía dưới các khoản mà vợ chồng bà H, ông D vay, anh L đều ghi lãi suất do vợ chồng bà H thanh toán, theo tính toán là chỉ lãi suất 1% tháng. Trong đó trả lãi của số tiền vay ngày 20/4/2018(tức ngày 5/3/2018 âm lịch) vay 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng) là 4 tháng tính từ ngày 05/3/2018 âm lịch đến ngày 06/7/2018 âm lịch, mỗi tháng 500.000 đồng, tổng 4 tháng là 2.000.000 đồng; Trả lãi của số tiền vay ngày 20/5/2018(tức ngày 06/4/2018 âm lịch) 145.000.000đ(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) là 3 tháng tiền lãi từ ngày 06/4/2018 âm lịch đến ngày 06/7/2018 âm lịch với số tiền mỗi tháng 1.450.000 đồng, tổng trả lãi là 4.350.000 đồng; Trả lãi của khoản vay ngày 21/5/2018 âm lịch số tiền 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng) là 2 tháng , mỗi tháng 200.000 đồng từ ngày 21/5/2018 đến ngày 21/7/2018, tổng trả lãi 2 tháng là 400.000 đồng; Trả lãi khoản vay ngày 23/05/2018(tức ngày 09/4/2018 âm lịch) số tiền vay 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) là 3 tháng, từ ngày 09/4/2018 âm lịch đến ngày 09/7/2019 âm lịch với thời hạn 3 tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng trả lãi 3 tháng là 3.000.000 đồng; Trả lãi khoản vay ngày 04/06/2018 âm lịch số tiền vay 120.000.000đ(Một trăm hai mươi triệu đồng) là 01 tháng từ ngày 04/6/2018 âm lịch đến ngày 04/7/2018 âm lịch với số tiền lãi 1.200.000 đồng. Việc khai nại của bà Nguyễn Thị H về việc thanh toán lãi cho anh Lê Văn L là cứ vay 1.000.000 đồng thì vợ chồng phải trả lãi cho anh L số tiền từ 2.500 đồng đến 3000 đồng/ngày không được anh L thừa nhận, không có tài liệu để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận việc khai nại của bà Nguyễn Thị H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn đã nộp.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Đậu Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463; 464;465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc: Vợ chồng ông Đậu Văn D, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh Lê Văn L số tiền gốc 425.000.000đ(Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về án phí: Buộc vợ chồng ông Đậu Văn D, bà Nguyễn Thị H phải nộp 21.000.000đ(Hai mươi một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 10.700.000đ(Mười triệu, bảy trăm nghìn đồng) cho anh Lê Văn L tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, theo biên lai nộp tiền số: 0000351 ngày 10/3/2020.

Nguyên đơn, đồng bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đồng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS NDYT
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP+K/quả
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc